

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 23/8/2019

*“V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Dương Diễm

Bà H'Bliăk Niê

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2019, tại phòng xử án B trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 nhưng tại phiên tòa do thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự nên thay đổi quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ C/v: Tổng giám đốc;

Địa chỉ: 25 Bis, Nguyễn Thị Minh K, phường B, Quận 1, TP H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn D, sinh năm 1994, chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân chi nhánh Đ – Phòng giao dịch C.

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đ (có mặt)

**2. Đông bị đơn:** Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1977 và bà Trần Thị B, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đ

(ông Nguyễn Duy V, bà Trần Thị B vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP phát triển T ông Đoàn Văn D trình bày:**

Trong năm 2017 và 2018 Ngân hàng TMCP phát triển T (gọi tắt là Ngân hàng), có ký hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Duy V và bà Trần Thị B vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Cho vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 0099/17/HĐTDHM-CN/131/ĐNGN-KUNN-01 ngày 02/3/2017

và theo khế ước giải ngân ngày 02/02/2018, khi vay thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ ngày 02/01/2019; tài sản thế chấp là thửa đất số 2678 tờ bản đồ số 10 theo giấy CNQSD đất số BN 020653 do UBND huyện C cấp ngày 12/5/2014 đứng tên bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V;

Lần thứ hai: Cho vay số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 0718/18/HĐTDHM-CN/131/ĐNGN-KUNN-01 ngày 19/6/2018 và khế ước giải ngân ngày 19/6/2018, khi vay thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ ngày 19/6/2019 tài sản thế chấp là thửa đất số 3870 tờ bản đồ số 14 theo giấy CNQSD đất số CA 824049 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đ cấp ngày 04/2/2016 đứng tên bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V. Đến hạn trả nợ bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V không chịu trả nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng. Nay bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V làm đơn xin ly hôn thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Duy V và bà Trần Thị B phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc của hai khoản vay nói trên là 500.000.000đ và lãi suất trong hạn và quá hạn tính đến ngày 23/8/2019 là 59.646.221 đồng, tiếp tục tính lãi quá hạn cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp ông V và bà B không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 2678 tờ bản đồ số 10 theo giấy CNQSD đất số BN 020653 của để thu hồi nợ, còn tài sản thế chấp là thửa đất số 3870 tờ bản đồ số 14 theo giấy CNQSD đất số CA 824049 do bố của ông V là ông Nguyễn Sơn L đang kiện tranh chấp nên chưa yêu cầu xử lý, chờ kết quả giải quyết của Tòa án.

**\* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Duy V trình bày:**

Tôi thừa nhận hiện nay vợ chồng tôi còn nợ Ngân hàng TMCP phát triển T-PGD C nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi suất trong hạn và quá hạn của cả hai hợp đồng như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Vợ chồng tôi hiện này đang làm thủ tục ly hôn nên nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết tôi đề nghị Tòa án chia đôi số tiền nợ gốc và lãi suất cho tôi và bà Trần Thị B mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ  $\frac{1}{2}$  cho Ngân hàng là đúng.

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Trần Thị B trình bày:**

Tôi thừa nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng TMCP phát triển T-PGD C số tiền 500.000.000 gốc và lãi suất trong hạn và quá hạn của cả hai hợp đồng vay như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết tôi đề nghị Ngân hàng rút đơn yêu cầu tôi và ông V về thu xếp bán đất trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin trình bày quan điểm được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thẩm phán đã giải quyết cơ bản đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Duy V đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị B vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ hai lần liên tiếp nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bà Trần Thị B. Do bà Trần Thị B là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình nhưng vắng mặt hai lần nên được coi là từ bỏ yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B trong vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, chuyển tư cách tham gia tố tụng của Ngân hàng thành nguyên đơn, bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V là đồng bị đơn, xác định lại quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình và tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 467, 468 Bộ luật dân sự

Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Duy V phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển T số tiền gốc 500.000.000 đồng và số tiền lãi suất 59.646.221 đồng, tiếp tục trả lãi suất cho đến khi trả nợ xong.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xác định tư cách tham gia tố tụng: Bà Trần Thị B làm đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Duy V, giải quyết trách nhiệm nuôi con sau khi ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung nên lúc đầu xác định quan hệ pháp luật của vụ án “Tranh chấp hôn nhân gia đình và chia tài sản khi ly hôn”, nhưng do bà Trần Thị B đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ hai lần liên tiếp nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên theo quy định của pháp luật là từ bỏ yêu cầu khởi kiện, phía ông Nguyễn Duy V là bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng TMCP phát triển T làm đơn yêu cầu Tòa án buộc ông V và bà B phải trả nợ tiền vay cho Ngân hàng do đó địa vị tố tụng của vụ án có sự thay đổi, Ngân hàng trở thành nguyên đơn, bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V là đồng bị đơn trong vụ án, theo quy định tại khoản 2 Điều 245 BLTTDS, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định lại là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Phía bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cư Kuin nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bà Trần Thị B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa ...nhưng vẫn cố tình vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà Trần Thị B, theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Trong năm 2017 và năm 2018 Ngân hàng TMCP phát triển T có cho ông Nguyễn Duy V và bà Trần Thị B vay số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 0099/17/HĐTDHM-CN/131/ĐNGN-KUNN-01 ngày 02/3/2017 và theo khế ước giải ngân ngày 02/02/2018 thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11%/năm, hạn trả nợ ngày 02/01/2019 và hợp đồng tín dụng số 0718/18/HĐTDHM-CN/131/ĐNGN-KUNN-01 ngày 19/6/2018 và khế ước giải ngân ngày 19/6/2018 cho vay số tiền 300.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận lãi suất

trong hạn là 11%/năm, hạn trả nợ ngày 19/6/2019, nhưng đến hạn trả nợ bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V không trả nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng. Do đó Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Duy V và bà Trần Thị B phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc của hai khoản vay là 500.000.000 đồng và lãi suất trong hạn và quá hạn của cả hai hợp đồng vay tính đến ngày 23/8/2019 là 59.646.221 đồng là đúng đắn được ông Nguyễn Duy V và bà Trần Thị B đồng ý nhưng do không có tiền nên xin có thời gian về bán đất để lấy tiền trả nợ. Mặc dù đã được Tòa án tạo điều kiện nhưng do ông V và bà B không thống nhất được việc bán đất nên không có tiền trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V phải trả nợ là hoàn toàn có căn cứ pháp luật cần chấp nhận. Tại phiên tòa ông Nguyễn Duy V đề nghị Hội đồng xét xử không buộc ông phải trả nợ chung mà cần chia đôi khoản nợ của Ngân hàng để mỗi người có trách nhiệm riêng được Ngân hàng đồng ý là phù hợp với hoàn cảnh của ông V và bà B hiện nay nên chấp nhận. Ngoài ra Ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý một phần tài sản thế chấp của ông Nguyễn Duy V và bà Trần Thị B để thu hồi nợ là đúng nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c Điều 217; khoản 2 Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 467, 468 Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về ly hôn, giải quyết trách nhiệm nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung của bà Trần Thị B

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển T

Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Duy V phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển T số tiền gốc 500.000.000 đồng và số tiền lãi suất là 59.646.221 đồng, chia theo phần mỗi người phải chịu 250.000.000 đồng gốc và 29.823.110 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển T có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0301/16/HĐBĐ- 131 ngày 29/07/2016 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0087/17/HĐBĐ- 131 ngày 01/3/2017 sau khi bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V trả nợ xong. Nếu bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển T được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất số 0087/17/HĐBĐ- 131 ngày 01/3/2017 là thửa đất số 2678 tờ bản đồ số 10 theo giấy CNQSD đất số BN 020653 do UBND huyện C cấp ngày 12/5/2014 đứng tên bà Trần Thị B và ông Nguyễn Duy V để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp khác không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Duy V phải chịu 13.991.150 đồng án phí DSST. Bà Trần Thị B phải chịu 13.991.150 đồng án phí DSST, được khấu số tiền 14.675.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/00014734 ngày 06/6/2019 và biên lai thu tiền số AA/2017/00014735 ngày 06/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ, còn được nhận lại số tiền 683.850 đồng

Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển T được nhận lại số tiền 13.477.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0014610 ngày 26/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ

Nguyên đơn, bị đơn (ông V) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ LỢI**